

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị An

2. Ông Nguyễn Thế Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị Đ, sinh ngày 25/02/1978; Nơi cư trú: Thôn T 1, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên tạp vụ; Con ông Lê Văn C và bà Vũ Thị S (bà S được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và Chủ tịch UBND tỉnh T1 tặng Bằng khen có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước); Có chồng là Đặng Văn N và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt Đảng tại Chi bộ Chi cục thủy sản, Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T1. Đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 17-QĐ/UBKTĐUK ngày 26/7/2021 của Ủy ban kiểm tra, Đảng ủy khởi các cơ quan tỉnh.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

Chị Vũ Thị Hồng N1, sinh năm 2000. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T2, xã Đ3, thành phố T1, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 24/5/2021, Lê Thị Đ đến Cửa hàng tạp hóa “Đậu Đậu” của bà Phạm Thị T3, sinh năm 1967, ở thôn G, xã Đ4, thành phố T1, tỉnh T1 để mua kẹo cho con. Lúc này, Đ mặc áo chống nắng nữ dài tay, màu tím than, đội mũ bảo hiểm màu đỏ - trắng - đen, loại mũ trùm kín đầu. Khi vào trong cửa hàng, Đ không thấy ai nên đã gọi hỏi để mua hàng nhưng không có ai trả lời. Đ đi quanh cửa hàng để tìm kẹo thì phát hiện thấy trên tầng thứ 2 của giá để sữa ở giữa cửa hàng có 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu tím của chị Vũ Thị Hồng N1 là nhân viên bán hàng. Do điện thoại của mình đã cũ nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của chị N1 để sử dụng. Đ đi lại gần giá để sữa, dùng tay trái lấy chiếc điện thoại của chị N1 rồi giấu vào trong túi bên trái áo chống nắng đang mặc. Sau đó, Đ tiếp tục gọi người bán hàng. Khoảng 02 phút sau, chị N1 ở dưới kho hàng đi lên, Đ hỏi mua kẹo. Chị N1 lấy kẹo đưa cho Đ, Đ thanh toán tiền rồi ra khỏi cửa hàng, điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà, Đ tháo sim thuê bao trong chiếc điện thoại trộm cắp được ra. Do không mở được mặt khóa bảo vệ nên Đ đã giấu chiếc điện thoại này ở dưới chiếu, cuối giường trong phòng ngủ của gia đình. Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 25/5/2021, khi Đ đi làm về qua Cửa hàng tạp hóa “Đậu Đậu” thì chị N1 gọi Đ vào trong cửa hàng để hỏi về chiếc điện thoại bị mất. Đ thừa nhận đã trộm cắp chiếc điện thoại của chị N1 rồi gọi điện cho anh Đặng Văn N là chồng của Đ, nói vị trí cất giấu điện thoại đã trộm cắp và nhờ anh N tìm, mang đến trả lại cho chị N1. Khi anh N mang điện thoại đến Cửa hàng tạp hóa “Đậu Đậu” trả lại cho chị N1 thì lực lượng công an xã Đ4, thành phố T1 đến và mời những người liên quan về trụ sở để làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố T1 kết luận: Tổng giá trị tài sản thời điểm định giá tháng 5/2021 là 4.655.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó giá trị 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus đã qua sử dụng là 4.650.000 đồng, 01 ốp điện thoại Iphone 7 Plus đã qua sử dụng là 5.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 102/CT-VKSTPTB ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Lê Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị hại là chị Vũ Thị Hồng N1 không có yêu cầu bồi thường gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 50 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Không đề nghị khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo thu nhập thấp, không có tài sản và nuôi 03 con còn nhỏ.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Vũ Thị Hồng N1 chiếc điện thoại và ốp lưng điện thoại. Do tài sản đã trả lại bị hại và chị N1 không có yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

Trả lại bị cáo 01 mũ bảo hiểm màu đỏ - trắng - đen, loại mũ trùm kín đầu, có kính phía trước, trên bề mặt mũ có chữ ASIA HELMETAC và 01 áo chống nắng nữ dài tay, màu tím than, có họa tiết hoa màu xanh, hồng, mặt trong của áo màu xanh lá cây, có họa tiết hình hoa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Lê Thị Đ nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại, kết luận định giá, biên bản xác định hiện trường, biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu hình ảnh camera và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 24/5/2021, tại Cửa hàng tạp hóa “Đậu Đậu” ở thôn G, xã Đ4, thành phố T1, tỉnh T1, Lê Thị Đ đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu tím, trị giá 4.655.000 đồng (*bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) của chị Vũ Thị Hồng N1.

Hành vi trên của Lê Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Lê Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình

phạt, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm là phù hợp với chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Bị cáo thu nhập thấp, không có tài sản gì, đang nuôi 03 con còn nhỏ nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Vũ Thị Hồng N1 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen, dung lượng 128Gb, số IMEI 355357085907124 và 01 ốp điện thoại Iphone 7 Plus bằng nhựa màu tím. Do tài sản đã trả lại bị hại và chị N1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ - trắng - đen, loại mũ trùm kín đầu, có kính phía trước, trên bề mặt mũ có chữ ASIA HELMETAC và 01 áo chống nắng nữ dài tay, màu tím than, có họa tiết hoa màu xanh, hồng, mặt trong của áo màu xanh lá cây, có họa tiết hình hoa là tài sản của bị cáo Lê Thị Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo có yêu cầu xin lại nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị Đ.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Lê Thị Đ 01 mũ bảo hiểm màu đỏ - trắng - đen, loại mũ trùm kín đầu, có kính phía trước, trên bề mặt mũ có chữ ASIA HELMETAC và 01 áo chống nắng nữ dài tay, màu tím than, có họa tiết hoa màu xanh, hồng, mặt trong của áo màu xanh lá cây, có họa tiết hình hoa.

(Vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/7/2021).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý